

## BỘ 10 ĐỀ THI GIỮA HỌC KÌ 1 MÔN ĐỊA LÍ 10 CÓ ĐÁP ÁN

### 1. Đề thi giữa HK1 môn Địa lí 10 – Số 1

TRƯỜNG THPT PHAN CHU TRINH

ĐỀ THI GIỮA HỌC KÌ 1

MÔN ĐỊA LÍ 10

NĂM HỌC 2019 – 2020

Thời gian: 45 phút

#### Câu 1. (3,0 điểm)

Thế nào là hiện tượng Mặt Trời lên thiên đỉnh? Dựa vào kiến thức đã học: hãy cho biết khu vực nào trên Trái Đất có hiện tượng Mặt Trời lên thiên đỉnh hai lần trong năm, nơi nào chỉ có một lần. Khu vực nào không có hiện tượng Mặt Trời lên thiên đỉnh?

#### Câu 2. (4,0 điểm)

Cho một vài ví dụ chứng minh hoạt động kinh tế của con người có tác phá hủy đá.

#### Câu 3. (3,0 điểm)

Cho bảng số liệu:

SỰ THAY ĐỔI NHIỆT ĐỘ TRUNG BÌNH NĂM VÀ BIÊN ĐỘ NHIỆT ĐỘ NĂM THEO VĨ ĐỘ Ở BÁN CẦU BẮC

Vĩ độ	Nhiệt độ trung bình năm (°C)	Biên độ nhiệt độ năm (°C)
0°	24,5	1,8
20°	25,0	7,4
30°	20,4	13,3
40°	14,0	17,7
50°	5,4	23,8
60°	- 0,6	29,0
70°	- 10,4	32,2
....	.....	.....

Dựa vào bảng số liệu và kiến thức đã học hãy nhận xét và giải thích:

- Sự thay đổi nhiệt độ trung bình năm theo vĩ độ.
- Sự thay đổi biên độ nhiệt độ năm theo vĩ độ.

### ĐÁP ÁN ĐỀ THI GIỮA HK1 – SỐ 1

#### Câu 1:

Hiện tượng Mặt Trời lên thiên đỉnh

- Hiện tượng Mặt Trời lên thiên đỉnh là hiện tượng Mặt Trời đứng đỉnh đầu lúc 12 giờ trưa (tia sáng mặt trời chiếu thẳng góc với tiếp tuyến bề mặt đất)
- Khu vực có hiện tượng Mặt Trời lên thiên đỉnh hai lần trong năm là khu vực nội chí tuyến.
- Nơi có 1 lần Mặt Trời lên thiên đỉnh trong năm là tại hai chí tuyến.

- Khu vực không có là vùng ngoại chí tuyến.

**Câu 2:**

Thông qua hoạt động kinh tế của con người có tác động làm phá hủy đá:

- Ví dụ con người làm ruộng bậc thang.

- Khai thác tài nguyên khoáng sản: khai thác đá, khai thác than, khai thác quặng sắt.

**Câu 3:**

\* *Nhận xét:* thay đổi nhiệt độ trung bình năm theo vĩ độ

- Nhiệt độ trung bình năm giảm dần từ vĩ độ thấp lên vĩ độ cao (*dẫn chứng số liệu*)

\* *Giải thích:*

- Ở xích đạo có góc nhập xạ lớn nên nhiệt độ trung bình năm cao, càng về hai cực góc nhập xạ càng giảm dần nên nhiệt độ trung bình năm giảm dần.

\* *Nhận xét:* Biên độ nhiệt độ năm theo vĩ độ

- Biên độ nhiệt độ năm tăng dần từ vĩ độ thấp lên vĩ độ cao (*dẫn chứng*)

\* *Giải thích:*

- Tại xích đạo do chênh lệch góc nhập xạ giữa hai mùa nhỏ nên ít có sự chênh lệch nhiệt độ giữa hai mùa do đó biên độ nhiệt năm nhỏ.

- Càng về hai cực chênh lệch góc nhập xạ giữa hai mùa lớn nên có sự chênh lệch nhiệt độ giữa hai mùa trong năm lớn do đó có biên độ nhiệt độ năm lớn.

**2. Đề thi giữa HK1 môn Địa lí 10 – Số 2****TRƯỜNG THPT PHAN BỘI CHÂU****ĐỀ THI GIỮA HỌC KÌ 1****MÔN ĐỊA LÍ 10****NĂM HỌC 2019 – 2020****Thời gian: 45 phút****Câu 1: (3,0 điểm)**

a. Nếu trục Trái Đất vuông góc với mặt phẳng quỹ đạo thì có sự thay đổi mùa như hiện nay không? Vì sao?

b. Thế nào là giờ múi? Nêu cơ sở để phân chia các múi giờ trên Trái Đất. Khi Hà Nội là 8h30' ngày 25/10/2015 thì Bắc Kinh (múi số 8), Oasinton (múi số 19) là mấy giờ ngày bao nhiêu?

**Câu 2: (4,0 điểm)**

a. Khái niệm khí quyển. Vai trò của khí quyển đối với sự sống trên Trái Đất.

b. So sánh 3 quá trình: Phong hóa lý học, phong hóa hóa học và phong hóa sinh học

**Câu 3: (3,0 điểm)** Cho bảng số liệu:

Cơ cấu GDP phân theo ngành kinh tế nước ta giai đoạn 1990 - 2005

(Đơn vị: %)

Năm	Nông - lâm - ngư nghiệp	Công nghiệp - xây dựng	Dịch vụ
1990	38,7	22,7	38,6
2005	21,0	41,0	38,0

a. Vẽ biểu đồ thể hiện cơ cấu GDP phân theo ngành kinh tế nước ta qua giai đoạn trên.

b. Nhận xét.

### ĐÁP ÁN ĐỀ THI GIỮA HK1 – SỐ 2

**Câu 1:**

a. - Nếu trục Trái Đất vuông góc với mặt phẳng quỹ đạo thì không có sự thay đổi mùa như hiện nay.

- Giải thích: Vì khi đó góc nhập xạ tại các địa điểm trên cùng một vĩ tuyến không thay đổi, do đó sẽ không có sự thay đổi về thời tiết và khí hậu nên không có sự thay đổi mùa.

b. - Bề mặt Trái Đất được chia thành 24 múi giờ, mỗi múi giờ rộng 15 độ kinh tuyến. Các địa phương nằm trong cùng một múi sẽ thống nhất một giờ, đó là giờ múi.

- Cơ sở để phân chia các múi giờ: Do Trái Đất hình cầu và tự quay quanh trục từ tây sang đông ngược chiều kim đồng hồ, thời gian quay quanh trục một vòng là 24 giờ, đó là cơ sở để phân chia các múi giờ trên Trái Đất.

- Khi Hà Nội là 8h30' ngày 25/10/2015 thì:

+ Bắc Kinh là 9h30' cùng ngày

+ Oasinton là 20h30' ngày 24/10/2015.

**Câu 2:**

a. Khí quyển

- Là lớp không khí bao quanh Trái Đất luôn chịu ảnh hưởng của Vũ Trụ, trước hết là Mặt Trời.

- Thành phần khí quyển: Khí nitơ 78,1%; ôxi 20,43%, hơi nước và các khí khác 1,47%

- Vai trò:

+ Cung cấp oxi và các khí cần thiết khác cho sự sống

+ Là nơi diễn ra các hiện tượng thời tiết, khí hậu, tuần hoàn nước.

+ Bảo vệ sinh vật, con người trên Trái Đất (tầng ôzôn ngăn cản bớt tia tử ngoại)

+ Khuếch tán tia sáng Mặt trời nên có bình minh và hoàng hôn

+ Truyền âm thanh, phản hồi sóng vô tuyến điện

+ Điều hòa khí hậu

b. So sánh

- Giống nhau: Đều là quá trình phong hóa, đều phá hủy đá và khoáng vật.

Đều là các quá trình ngoại lực.

- Khác nhau

Quá trình phong hóa	Tác nhân	Kết quả
Phong hóa lý học	+ Sự thay đổi nhiệt độ. + Sự đóng băng của nước. + Tác động của con người	Đá nứt vỡ thành các mảnh vụn to nhỏ khác nhau. Không thay đổi thành phần, tính chất
Phong hóa hóa học	Tác động của chất khí, nước, các chất khoáng chất hòa tan trong nước..	Đá và khoáng vật bị phá hủy, biến đổi thành phần, tính chất hoá học
Phong hóa sinh học	sinh học Sự lớn lên của rễ cây, sự bài tiết các chất, vi khuẩn...	+ Đá bị phá hủy về mặt cơ giới. + Bị phá hủy về mặt hóa học

### Câu 3:

a. Vẽ biểu đồ: Biểu đồ 2 hình tròn

Yêu cầu: Chính xác, đẹp, đầy đủ thông tin (thiếu mỗi ý - 0,25 điểm)

b. Nhận xét: Cơ cấu GDP phân theo ngành kinh tế nước ta có sự chuyển dịch:

Tỉ trọng nông - lâm - ngư nghiệp giảm, tỉ trọng công nghiệp xây dựng tăng, tỉ trọng dịch vụ tương đối ổn định (dẫn chứng)

### 3. Đề thi giữa HK1 môn Địa lí 10 – Số 3

TRƯỜNG THPT VÕ THỊ SÁU

ĐỀ THI GIỮA HỌC KÌ 1

MÔN ĐỊA LÍ 10

NĂM HỌC 2019 – 2020

Thời gian: 45 phút

I- Phần trắc nghiệm (4điểm)

**Câu 1:** Để thể hiện các mỏ than trên lãnh thổ nước ta người ta dùng phương pháp: 0,5 điểm

A. Kí hiệu đường chuyển động      B. Bản đồ - biểu đồ

C. Kí hiệu      D. Chấm điểm

**Câu 2:** Nguyên nhân cơ bản khiến chúng ta phải sử dụng nhiều phép chiếu đồ khác nhau là: 0,5 điểm

A. Do bề mặt Trái Đất cong      B. Do yêu cầu sử dụng khác nhau

C. Do vị trí lãnh thổ cần thể hiện      D. Do hình dáng lãnh thổ

**Câu 3:** Sự luân phiên ngày, đêm là hệ quả của chuyển động: 0,5 điểm

- A. Tự quay quanh trục của Trái Đất
- B. Xung quanh Mặt Trời của Trái Đất
- C. Xung quanh các hành tinh khác của Trái Đất
- D. Tịnh tiến của Trái Đất

**Câu 4:** Do tác động của lực Côriôlit nên bán cầu Bắc các vật chuyển động từ cực về xích đạo sẽ bị lệch hướng: 0,5 điểm

- A. Về phía bên phải theo hướng chuyển động
- B. Về phía bên trái theo hướng chuyển động
- C. Về phía bên trên theo hướng chuyển động
- D. Về phía xích đạo

**Câu 5:** Nhiệt độ của nước càng cao thì sức hòa tan của nước càng: 0,5 điểm

- A. không thay đổi    B. mạnh    C. yếu    D. trung bình

**Câu 6:** Quá trình mài mòn có đặc điểm là: 0,5 điểm

- A. Làm thay đổi thành phần và tính chất hoá học của đá và khoáng vật
- B. Là quá trình diễn ra với tốc độ nhanh, nhất là trên bề mặt Trái Đất
- C. Là quá trình diễn ra với tốc độ chậm, chủ yếu trên bề mặt đất
- D. Dưới tác động của mài mòn, các vật liệu được vận chuyển đi rất xa khỏi vị trí ban đầu

**Câu 7:** Lớp Ôzôn có tác dụng: 0,5 điểm

- A. Phản hồi sóng vô tuyến điện, bảo vệ Trái Đất
- B. Hút tia cực tím của mặt trời, bảo vệ thế giới hữu cơ trên mặt đất.
- C. Chống các tác nhân phá hoại từ vũ trụ, bảo vệ về mặt đất
- D. Bảo vệ Trái Đất và sự sống cho con người

**Câu 8:** Dải hội tụ nhiệt đới hình thành từ 2 khối khí: 0,5 điểm

- A. Chí tuyến hải dương và chí tuyến lục địa
- B. Chí tuyến hải dương và xích đạo

- C. Bắc xích đạo và Nam xích đạo
- D. Chí tuyến lục địa và xích đạo

## II- Phần tự luận

### Câu 1: (4 điểm).

Hãy trình bày các hệ quả chuyển động tự quay quanh trục của Trái Đất?

### Câu 2: (2 điểm).

Sự khác nhau giữa phong hóa lí học, phong hóa hóa học và phong hóa sinh học?

## ĐÁP ÁN ĐỀ THI GIỮA HK1 – SỐ 3

### I- Phần trắc nghiệm (Mỗi câu trắc nghiệm tương ứng với 0,5 điểm)

**Câu 1.** Để thể hiện các mỏ than trên lãnh thổ nước ta người ta thường dùng phương pháp kí hiệu.

Chọn: C.

**Câu 2.** Nguyên nhân cơ bản khiến chúng ta phải sử dụng nhiều phép chiếu đồ khác nhau là do yêu cầu sử dụng khác nhau.

Chọn: B.

**Câu 3.** Trái Đất chuyển động tự quay quanh trục của mình sinh ra các hệ quả, đó là sự luân phiên ngày – đêm, giờ Trái Đất và đường chuyển ngày quốc tế, sự lệch hướng chuyển động của các vật thể.

Chọn: A.

**Câu 4.** Do tác động của lực Côriôlit nên bán cầu Bắc các vật chuyển động từ cực về xích đạo sẽ bị lệch hướng về phía bên phải theo hướng chuyển động.

Chọn: B.

**Câu 5.** Nước có tác dụng hòa tan nhiều loại đá và khoáng vật, nhiệt độ của nước càng cao thì sức hòa tan của nước càng mạnh.

Chọn: B.

**Câu 6.** Quá trình mài mòn có đặc điểm là quá trình diễn ra với tốc độ chậm, chủ yếu trên bề mặt đất với một số nguyên nhân như: Nước chảy tràn trên sườn dốc, sự mài mòn của sóng biển và sự chuyển động của băng hà.

Chọn: C.

**Câu 7.** Lớp Ôzôn có tác dụng hút tia cực tím của mặt trời, bảo vệ thể giới hữu cơ trên mặt đất.

Chọn: B.

**Câu 8.** Dải hội tụ nhiệt đới hình thành từ 2 khối khí, đó là Bắc xích đạo và Nam xích đạo.

Chọn: C.

## II- Phần tự luận

### Câu 1.

- Sự luân phiên ngày đêm: do khối cầu và vận động tự quay của Trái Đất, nên mọi nơi trên bề mặt Trái Đất đều lần lượt ở trước Mặt Trời rồi lại khuất sau Mặt Trời, gây nên hiện tượng luân phiên ngày - đêm. (1 điểm)

- Giờ trên Trái Đất và đường chuyển ngày quốc tế.

+ Giờ địa phương (giờ mặt trời): Trái Đất có hình khối cầu và tự quay quanh trục từ tây sang đông nên cùng một thời điểm, người đứng ở các kinh tuyến khác nhau sẽ nhìn thấy Mặt Trời ở các độ cao khác nhau, do đó các địa điểm thuộc các kinh tuyến khác nhau sẽ có giờ khác nhau, đó là giờ địa phương (hay giờ mặt trời). (0,75 điểm)

+ Giờ múi: Trái Đất được chia làm 24 múi giờ, mỗi múi giờ rộng 15 độ kinh tuyến. Giờ múi được lấy theo kinh tuyến đi qua giữa múi đó. Giờ múi số 0 được lấy làm giờ quốc tế (hay giờ GMT). Việt Nam thuộc múi giờ số 7. (0,5 điểm)

+ Đường chuyển ngày quốc tế: theo cách tính giờ múi, trên Trái Đất lúc nào cũng có một múi giờ mà ở đó có hai ngày lịch khác nhau, do vậy một kinh tuyến được lấy làm mốc để đổi ngày. Kinh tuyến 180 độ qua giữa múi giờ số 12 ở Thái Bình Dương được chọn làm đường chuyển ngày quốc tế. (0,75 điểm)

- Sự lệch hướng chuyển động của các vật thể: khi Trái Đất tự quay quanh liên tục, mọi địa điểm thuộc ở các vĩ độ khác nhau ở bề mặt Trái Đất (trừ hai cực đều có vận tốc dài khác nhau và hướng chuyển động từ tây sang đông. Do vậy, các vật thể chuyển động trên bề mặt Trái Đất sẽ bị lệch hướng so với hướng ban đầu (vì phải giữ nguyên chuyển động thẳng hướng theo quán tính). Lực làm lệch hướng đó được gọi là lực Côriôlit. Ở bán cầu Bắc, vật chuyển động bị lệch về bên phải theo hướng chuyển động, ở bán cầu Nam bị lệch về bên trái. (1 điểm)

### Câu 2.

- Phong hóa lí học chỉ làm đá vỡ vụn mà không làm biến đổi về màu sắc, thành phần khoáng vật và hóa học của chúng. (0,75 điểm)

- Phong hóa hóa học làm cho đá bị biến đổi cả thành phần hóa học và khoáng vật. (0,5 điểm)

Phong hóa sinh học làm cho đá và khoáng vật vừa bị phá hủy về mặt cơ giới, vừa bị phá hủy về mặt hóa học. (0,75 điểm)

#### 4. Đề thi giữa HK1 môn Địa lí 10 – Số 4

TRƯỜNG THPT NGUYỄN VĂN TRỖI

ĐỀ THI GIỮA HỌC KÌ 1

MÔN ĐỊA LÍ 10

NĂM HỌC 2019 – 2020

Thời gian: 45 phút

##### I- Phần trắc nghiệm (4 điểm )

**Câu 1:** Để vẽ bản đồ vùng quanh cực người ta dùng phép chiếu: 0,5 điểm

- A. Phương vị ngang      B. Phương vị đứng  
C. Hình nón đứng      D. Hình nón ngang

**Câu 2:** Khi muốn thể hiện những phần lãnh thổ nằm gần xích đạo với độ chính xác cao người ta thường dùng phép chiếu: 0,5 điểm

- A. Hình nón đứng và hình trụ đứng  
B. Phương vị ngang và hình trụ đứng  
C. Phương vị ngang và hình nón đứng  
D. Phương vị đứng và hình trụ đứng

**Câu 3:** Lượng nhiệt nhận được từ Mặt Trời tại 1 điểm phụ thuộc nhiều vào: 0,5 điểm

- A. Góc nhập xạ nhận được và thời gian được chiếu sáng  
B. Thời gian được chiếu sáng và vận tốc tự quay của Trái Đất  
C. Vận tốc chuyển động của Trái Đất quanh Mặt Trời  
D. Khoảng cách từ Trái Đất đến Mặt Trời

**Câu 4:** Ở bán cầu Bắc, chịu tác động của lực Coriolit, gió Nam sẽ bị lệch hướng trở thành: 0,5 điểm

- A. Gió Đông Nam (hoặc Đông Đông Nam, Nam Đông Nam).  
B. Gió Tây Nam (hoặc Tây Tây Nam, Nam Tây Nam).  
C. Gió Đông Bắc (hoặc Đông Đông Bắc, Bắc Đông Bắc).  
D. Gió Tây Bắc (hoặc Tây Tây Bắc, Bắc Tây Bắc).



**Câu 5:** Vỏ Trái Đất chiếm khoảng 15% về thể tích và khoảng 1% trọng lượng, điều đó cho thấy: 0,5 điểm

- A. Vỏ Trái Đất có vai trò rất quan trọng đối với thiên nhiên và đời sống con người
- B. Vật liệu cấu tạo nên vỏ Trái Đất nhẹ hơn so với các lớp bên dưới
- C. Vỏ Trái Đất cấu tạo chủ yếu bằng những vật chất cứng rắn
- D. Vỏ Trái Đất có cấu tạo đơn giản và quan trọng với sự sống trên Trái Đất

**Câu 6:** Đá trầm tích có nguồn gốc hình thành từ: 0,5 điểm

- A. Sự lắng tụ và nén chặt trong các miền trũng của các vật liệu vụn nhỏ như sét, cát, sỏi,... và xác sinh vật
- B. Sự nén chặt của các vận động kiến tạo đối với các vật liệu có kích thước lớn như các khối núi, các đảo,...
- C. Hoạt động của núi lửa
- D. Các hoạt động của ngoại lực

**Câu 7:** Biên độ nhiệt năm cao nhất thường ở vĩ độ: 0,5 điểm

- A. Xích đạo
- B. Nhiệt đới
- C. Ôn đới
- D. Hàn đới

**Câu 8:** Việt Nam nằm trong vùng thuộc kiểu khí hậu nào? 0,5 điểm

- A. Kiểu khí hậu cận nhiệt lục địa.
- B. Kiểu khí hậu cận nhiệt gió mùa.
- C. Kiểu khí hậu nhiệt đới gió mùa.
- D. Kiểu khí hậu nhiệt đới gió mùa.

## II- Phần tự luận

**Câu 1:** (2 điểm)

Giả sử Trái Đất không tự quay quanh trục mà chỉ chuyển động quanh Mặt Trời thì ở Trái Đất có ngày, đêm không? Nếu có, thì thời gian ban ngày và ban đêm là bao nhiêu? Khi đó, ở bề mặt Trái Đất có sự sống không? Tại sao?

**Câu 2:** (3 điểm)

Trình bày các vận động kiến tạo và tác động của chúng đến địa hình bề mặt Trái Đất.

**Câu 3:** (1 điểm)

Hãy cho biết ảnh hưởng của gió ở sườn tây khác với gió khi sang sườn đông như thế nào?

**ĐÁP ÁN ĐỀ THI GIỮA HK1 – SỐ 4**

**I- Phần trắc nghiệm** (Mỗi câu trắc nghiệm tương ứng với 0,5 điểm )

**Câu 1.** Để vẽ bản đồ vùng quanh cực người ta dùng phép chiếu phương vị đứng.

Chọn: B.

**Câu 2.** Khi muốn thể hiện những phần lãnh thổ nằm gần xích đạo với độ chính xác cao người ta thường dùng phép chiếu phương vị ngang và hình trụ đứng.

Chọn: B.

**Câu 3.** Lượng nhiệt nhận được từ Mặt Trời tại 1 điểm phụ thuộc nhiều vào góc nhập xạ nhận được và thời gian được chiếu sáng.

Chọn: A.

**Câu 4.** Ở bán cầu Bắc, chịu tác động của lực Coriolit, gió Nam sẽ bị lệch hướng trở thành gió Tây Nam (hoặc Tây Tây Nam, Nam Tây Nam).

Chọn: B.

**Câu 5.** Vỏ Trái Đất chiếm khoảng 15% về thể tích và khoảng 1% trọng lượng, điều đó cho thấy vật liệu cấu tạo nên vỏ Trái Đất nhẹ hơn so với các lớp bên dưới.

Chọn: B.

**Câu 6.** Đá trầm tích có nguồn gốc hình thành từ sự lắng tụ và nén chặt trong các miền trũng của các vật liệu vụn nhỏ như sét, cát, sỏi,... và xác sinh vật.

Chọn: A.

**Câu 7.** Biên độ nhiệt năm cao nhất thường ở vĩ độ hàn đới bởi hàn đới có sự chênh lệch nhiệt độ giữa tháng cao nhất và tháng thấp nhất là rất lớn, luôn luôn trên 30 độC.

Chọn: D.

**Câu 8.** Việt Nam nằm trong vùng thuộc kiểu khí hậu nhiệt đới gió mùa.

Chọn: D.

**II- Phần tự luận**

**Câu 1.**

- Trái Đất vẫn có ngày và đêm. Khi đó, độ dài một ngày - đêm trên bề mặt Trái Đất sẽ dài bằng một năm. (1 điểm)

- Với thời gian ngày - đêm kéo dài như vậy, phần đang là ban ngày sẽ rất nóng, vì bị Mặt Trời đốt nóng liên tục trong nửa năm; còn phần đang là ban đêm sẽ rất lạnh, vì không

được Mặt Trời chiếu đến. Khi đó, vạn vật sẽ không thể sinh trưởng và phát triển được cho nên trên Trái Đất sẽ không thể tồn tại sự sống. (1 điểm)

### Câu 2.

- Vận động theo phương thẳng đứng: Vận động của vỏ Trái Đất theo phương thẳng đứng (vận động nâng lên và hạ xuống) xảy ra rất chậm trên một diện tích lớn, làm cho bộ phận này của lục địa được nâng lên, trong khi bộ phận khác lại hạ xuống, sinh ra hiện tượng biển tiến, biển thoái. Vận động nâng lên và hạ xuống của vỏ Trái Đất hiện nay vẫn tiếp tục xảy ra. (0,75 điểm)

- Vận động theo phương nằm ngang: Vận động theo phương nằm ngang làm cho vỏ Trái Đất bị nén ép ở khu vực này và tách giãn ở khu vực kia, gây ra các hiện tượng uốn nếp, đứt gãy. (0,75 điểm)

- Hiện tượng uốn nếp: Các lớp đá uốn thành nếp, nhưng tính chất liên tục của chúng không bị phá vỡ. Kết quả của hiện tượng uốn nếp là miền núi uốn nếp. (0,75 điểm)

- Hiện tượng đứt gãy: Tại những vùng đá cứng, lớp đá bị gãy, đứt ra rồi chuyển dịch ngược hướng nhau theo phương gần thẳng đứng hay nằm ngang tạo ra các hẻm vực, thung lũng. (0,75 điểm)

### Câu 3.

- Sườn tây: Gió ẩm thổi tới, lên cao gặp lạnh đổ mưa, nhiệt độ giảm. (0,5 điểm)

- Sườn đông: Do gió vượt qua đỉnh núi, lại bị khô, nên khi xuống núi nhiệt độ tăng theo tiêu chuẩn không khí khô. (0,5 điểm)

## 5. Đề thi giữa HK1 môn Địa lí 10 – Số 5

TRƯỜNG THPT PHAN ĐĂNG LƯU

ĐỀ THI GIỮA HỌC KÌ 1

MÔN ĐỊA LÍ 10

NĂM HỌC 2019 – 2020

Thời gian: 45 phút

### I- Phần trắc nghiệm

**Câu 1:** Trong phương pháp kí hiệu, các kí hiệu biểu hiện hiện tượng, đối tượng có đặc điểm: 0,5 điểm

- A. Thể hiện cho 1 phạm vi lãnh thổ rất rộng
- B. Đặt chính xác vào vị trí mà đối tượng đó phân bố trên bản đồ
- C. Mỗi kí hiệu có thể thể hiện được 1 hay nhiều hơn các đối tượng

D. Các kí hiệu thể hiện được 1 hay nhiều hơn các đối tượng địa lí

**Câu 2:** Trên bản đồ tự nhiên, các đối tượng địa lí thường được thể hiện bằng phương pháp đường chuyển động là: 0.5 điểm

- A. Hướng gió, các dãy núi, ...      B. Dòng sông, dòng biển, ...  
C. Hướng gió, dòng biển, ...      D. Các thảm thực vật, động vật

**Câu 3:** Trên bề mặt Trái Đất nơi được Mặt Trời lên thiên đỉnh 2 lần trong năm là: 0.5 điểm

- A. Cực Bắc và cực Nam.  
B. Vùng từ chí tuyến nên cực.  
C. Vùng nằm giữa hai chí tuyến.  
D. Khắp bề mặt Trái Đất.

**Câu 4:** Các hành tinh trong hệ Mặt Trời tự quay quanh mình theo hướng: 0.5 điểm

- A. Cùng với hướng chuyển động quanh Mặt Trời  
B. Ngược với hướng chuyển động quanh Mặt Trời  
C. Cùng với hướng chuyển động quanh Mặt Trời, trừ Kim Tinh và Thiên Vương Tinh  
D. Ngược với hướng chuyển động quanh Mặt Trời, trừ Kim Tinh và Thiên Vương Tinh

**Câu 5:** Đặc điểm nào sau đây không thuộc tầng đá trầm tích: 0.5 điểm

- A. Do các vật liệu vụn, nhỏ bị nén chặt tạo thành  
B. Phân bố thành một lớp liên tục  
C. Có nơi mỏng, nơi dày  
D. Là tầng nằm trên cùng trong lớp vỏ Trái Đất

**Câu 6:** Sự phân chia đá thành 3 nhóm (mắc ma, trầm tích, biến chất) chủ yếu dựa vào: 0.5 điểm

- A. Nguồn gốc hình thành của đá  
B. Tính chất hoá học của đá  
C. Tính chất vật lí của đá  
D. Tuổi của đá

**Câu 7:** Càng lên cao khí áp càng: 0.5 điểm

- A. thấp    B. cao    C. trung bình    D. không thay đổi

**Câu 8:** Kiểu khí hậu nào có diện tích nhỏ nhất trên các lục địa? 0.5 điểm

- A. Kiểu khí hậu ôn đới lục địa.
- B. Kiểu khí hậu cận nhiệt gió mùa.
- C. Kiểu khí hậu cận nhiệt địa trung hải.
- D. Kiểu khí hậu cận nhiệt địa trung hải.

## II- Phần tự luận

**Câu 1:** 3 điểm

Hãy xác định khu vực nào trên Trái Đất có hiện tượng Mặt Trời lên thiên đỉnh mỗi năm hai lần? Nơi nào chỉ một lần? Khu vực nào không có hiện tượng Mặt Trời lên thiên đỉnh? Tại sao?

**Câu 2:** 1,5 điểm

Nội lực là gì? Nguyên nhân sinh ra nội lực?

**Câu 3:** 1,5 điểm

Nói rõ vai trò của khí quyển đối với đời sống trên Trái Đất?

## ĐÁP ÁN ĐỀ THI GIỮA HK1 – SỐ 5

**I- Phần trắc nghiệm** (Mỗi câu trắc nghiệm tương ứng với 0,5 điểm)

**Câu 1.** Trong phương pháp kí hiệu, các kí hiệu biểu hiện tượng, đối tượng được đặt chính xác vào vị trí mà đối tượng đó phân bố trên bản đồ.

Chọn: B.

**Câu 2.** Trên bản đồ tự nhiên, các đối tượng địa lí thường được thể hiện bằng phương pháp đường chuyển động là hướng gió, các dòng biển,...

Chọn: C.

**Câu 3.** Trên bề mặt Trái Đất nơi được Mặt Trời lên thiên đỉnh 2 lần trong năm là trong vùng nội chí tuyến.

Chọn: C.

**Câu 4.** Các hành tinh trong hệ Mặt Trời tự quay quanh mình theo hướng cùng với hướng chuyển động quanh Mặt Trời, trừ Kim Tinh và Thiên Vương Tinh.

Chọn: C.

**Câu 5.** Đặc điểm của tầng đá trầm tích: Do các vật liệu vụn, nhỏ bị nén chặt tạo thành, phân bố thành một lớp không liên tục, có nơi mỏng nơi dày và là tầng nằm trên cùng trong lớp vỏ Trái Đất.

Chọn: B.

**Câu 6.** Sự phân chia đá thành 3 nhóm (mắc ma, trầm tích, biến chất) chủ yếu dựa vào nguồn gốc hình thành của các loại đá.

Chọn: A.

**Câu 7.** Càng lên cao không khí càng loãng, sức nén càng nhỏ nên khí áp giảm (thấp).

Chọn: A.

**Câu 8.** Kiểu khí hậu có diện tích nhỏ nhất trên các lục địa kiểu khí hậu cận nhiệt địa trung hải.

Chọn: C.

## II- Phần tự luận

### Câu 1.

\* Hiện tượng Mặt Trời lên thiên đỉnh

- Khu vực có hiện tượng Mặt Trời lên thiên đỉnh mỗi năm hai lần: giữa hai chí tuyến Bắc và chí tuyến Nam. (0,75 điểm)

- Khu vực có hiện tượng Mặt Trời lên thiên đỉnh mỗi năm một lần: chí tuyến Bắc và chí tuyến Nam. (0,75 điểm)

- Khu vực không có hiện tượng Mặt Trời lên thiên đỉnh: Từ ngoài hai chí tuyến về hai cực. (0,5 điểm)

\* Giải thích nguyên nhân

- Trái Đất đang chuyển động xung quanh Mặt Trời với trục nghiêng (23 độ 27' với pháp tuyến của mặt phẳng quỹ đạo Trái Đất) và không đổi phương. Do đó, tia nắng vuông góc với tiếp tuyến ở một bề mặt Trái Đất sẽ lần lượt di chuyển từ 23 độ 27' N lên 23 độ 27' B. Trong vòng 1 năm, các địa điểm nội chí tuyến đều có hai lần Mặt Trời lên thiên đỉnh. (0,5 điểm)

- Trục Trái Đất nghiêng với mặt phẳng hoàng đạo (mặt phẳng chứa quỹ đạo Trái Đất) một góc bằng 66 độ 33'. Để tạo góc 90 độ thì góc phụ phải là 23 độ 27', trong khi đó các địa điểm ở ngoại chí tuyến đều có vĩ độ lớn hơn 23 độ 27'. (0,5 điểm)

### Câu 2.

- Nội lực là lực phát sinh từ bên trong Trái Đất. (0,5 điểm)

- Nguyên nhân sinh ra nội lực chủ yếu là các nguồn năng lượng ở trong lòng Trái Đất như: năng lượng của sự phân hủy các chất phóng xạ, năng lượng của các phản ứng hoá học,... (1 điểm)

### Câu 3.

- Cung cấp ôxi và các loại khí cần thiết khác cho sự tồn tại, sinh trưởng và phát triển của sự sống trên Trái Đất. (0,75 điểm)

- Là lớp vỏ bảo vệ Trái Đất khỏi các tác nhân gây hại từ bức xạ của Mặt Trời. (0,75 điểm)

## 6. Đề thi giữa HK1 môn Địa lí 10 – Số 6

TRƯỜNG THPT TRƯNG VƯƠNG

ĐỀ THI GIỮA HỌC KÌ 1

MÔN ĐỊA LÍ 10

NĂM HỌC 2019 – 2020

Thời gian: 45 phút

### I- Phần trắc nghiệm (4điểm)

**Câu 1:** Cơ sở phân chia thành các loại phép chiếu: phương vị, hình nón, hình trụ là: 0,5 điểm

- A. Do vị trí lãnh thổ cần thể hiện      B. Do hình dạng mặt chiếu  
C. Do vị trí tiếp xúc mặt chiếu      D. Do đặc điểm lưới chiếu

**Câu 2:** Phương pháp kí hiệu không chỉ xác định vị trí của đối tượng địa lí mà còn thể hiện được: 0,5 điểm

- A. khối lượng cũng như tốc độ di chuyển của đối tượng địa lí.  
B. số lượng (quy mô), cấu trúc, chất lượng của đối tượng địa lí.  
C. giá trị tổng cộng của đối tượng địa lí.  
D. hướng di chuyển của đối tượng địa lí

**Câu 3:** Hệ Mặt Trời bao gồm: 0,5 điểm

- A. các Dải Ngân Hà, các hành tinh, vệ tinh, các đám bụi, khí.  
B. Mặt Trời, các thiên thể chuyển động xung quanh Mặt Trời, các đám bụi, khí.  
C. rất nhiều Thiên thể (các ngôi sao, hành tinh, vệ tinh,...) cùng với bụi khí và bức xạ điện từ.  
D. các Thiên Hà, Dải Ngân Hà, hành tinh, vệ tinh, khác đám bụi, khí.

**Câu 4:** Bốn địa điểm trên đất nước ta lần lượt từ Nam lên Bắc là thành phố Hồ Chí Minh, Nha Trang, Vinh, Hà Nội nơi có 2 lần Mặt Trời đi qua thiên đỉnh gần nhau nhất là: 0,5 điểm

A. Tp. Hồ Chí Minh. B. Nha Trang. C. Vinh. D. Hà Nội

**Câu 5:** Theo thứ tự từ trên xuống, các tầng đá ở lớp vỏ Trái Đất lần lượt là: 0,5 điểm

- A. Tầng đá trầm tích, tầng granit, tầng badan.
- B. Tầng đá trầm tích, tầng badan, tầng granit.
- C. Tầng granit, Tầng đá trầm tích, tầng badan.
- D. Tầng badan, tầng đá trầm tích, tầng granit.

**Câu 6:** Biểu hiện rõ rệt nhất của sự vận động theo phương thẳng đứng ở lớp vỏ Trái Đất là: 0,5 điểm

- A. Độ cao của các đỉnh núi tăng lên
- B. Thay đổi mực nước đại dương ở nhiều nơi
- C. Diện tích của đồng bằng tăng lên
- D. Các hiện tượng động đất, núi lửa hoạt động mạnh

**Câu 7.** FA được gọi là Frond: 0,5 điểm

- A. Frond địa cực B. Frond ôn đới C. Frond nội tuyến D. Frond xích đạo

**Câu 8:** Kiểu khí hậu địa trung hải có đặc điểm nổi bật so với các kiểu khí hậu khác là: 0,5 điểm

- A. Nhiệt độ trung bình năm cao nhất.
- B. Lượng mưa trung bình năm nhỏ nhất.
- C. Biên độ nhiệt độ giữa các tháng trong năm cao nhất.
- D. Mưa tập trung vào mùa đông.

Phần tự luận

**Câu 1:** (3 điểm).

Vũ trụ là gì? Hệ Mặt Trời là gì? Em có những hiểu biết gì về Trái Đất trong Hệ Mặt Trời?

**Câu 2:** (3 điểm).

Ngoại lực là gì? Vì sao nguồn năng lượng chủ yếu sinh ra ngoại lực là nguồn năng lượng của bức xạ Mặt Trời?

## ĐÁP ÁN ĐỀ THI GIỮA HK1 – SỐ 6

I- Phần trắc nghiệm (4điểm)



**Câu 1.** Cơ sở để phân chia thành các loại phép chiếu: phương vị, hình nón, hình trụ là do hình dạng mặt chiếu.

Chọn: B.

**Câu 2.** Phương pháp kí hiệu không chỉ xác định vị trí của đối tượng địa lí mà còn thể hiện được số lượng (quy mô), cấu trúc, chất lượng hoặc động lực phát triển của đối tượng địa lí.

Chọn: B.

**Câu 3.** Hệ Mặt Trời bao gồm Mặt Trời, các thiên thể (đó là các hành tinh, tiểu hành tinh, vệ tinh, sao chổi, thiên thạch) chuyển động xung quanh Mặt Trời và các đám bụi, khí.

Chọn: B.

**Câu 4.** Bốn địa điểm trên đất nước ta lần lượt từ Nam lên Bắc là thành phố Hồ Chí Minh, Nha Trang, Vinh, Hà Nội nơi có 2 lần Mặt Trời đi qua thiên đỉnh gần nhau nhất là Hà Nội. Hà Nội là địa điểm gần chí tuyến Bắc nhất nên thời gian Mặt Trời hai lần lên thiên đỉnh gần nhau nhất.

Chọn: D.

**Câu 5.** Theo thứ tự từ trên xuống, các tầng đá ở lớp vỏ Trái Đất lần lượt là tầng đá trầm tích, tầng granit và cuối cùng là tầng badan.

Chọn: A.

**Câu 6.** Biểu hiện rõ rệt nhất của sự vận động theo phương thẳng đứng (nâng lên hoặc hạ xuống) ở lớp vỏ Trái Đất là thay đổi mực nước đại dương ở nhiều nơi.

Chọn: B.

**Câu 7.** FA được gọi là Frond địa cực.

Chọn: A.

**Câu 8.** Kiểu khí hậu địa trung hải có đặc điểm nổi bật so với các kiểu khí hậu khác là mưa tập trung vào mùa đông.

Chọn: D.

## II- Phần tự luận

### Câu 1.

- Vũ Trụ là khoảng không gian vô tận chứa các Thiên hà. Thiên hà là một tập hợp các thiên thể, khí, bụi và bức xạ điện từ. Thiên hà chứa Mặt Trời và các hành tinh của nó được gọi là Dải Ngân Hà. (1 điểm)

- Hệ Mặt Trời là một tập hợp các thiên thể nằm trong Dải Ngân Hà. Hệ Mặt Trời gồm có Mặt Trời nằm ở trung tâm và các thiên thể quay xung quanh (đó là các hành tinh, tiểu hành

ting, vệ tinh, sao chổi, thiên thạch) và các đám bụi khí. Hệ Mặt Trời có tám hành tinh: Thủy tinh, Kim tinh, Trái Đất, Hoả tinh, Mộc tinh, Thổ tinh, Thiên Vương tinh, Hải Vương tinh. (1 điểm)

- Trái Đất là một hành tinh trong Hệ Mặt Trời. Khoảng cách trung bình từ Trái Đất đến Mặt Trời là 149.6 triệu km. Khoảng cách đó cùng với sự tự quay làm cho Trái Đất nhận được lượng nhiệt và ánh sáng phù hợp để sự sống có thể phát sinh, phát triển. Trái Đất vừa tự quay quanh trục, vừa chuyển động tịnh tiến xung quanh Mặt Trời. (1 điểm)

## Câu 2.

- Ngoại lực:

+ Ngoại lực là lực có nguồn gốc ở bên ngoài, trên bề mặt Trái Đất. (0,5 điểm)

+ Nguồn năng lượng sinh ra ngoại lực chủ yếu là nguồn năng lượng của bức xạ Mặt Trời. (0,5 điểm)

+ Ngoại lực gồm tác động của các yếu tố khí hậu (nhiệt độ, gió, mưa,...), các dạng nước (nước chảy, nước ngầm, băng hà, sóng biển...), sinh vật (động, thực vật) và con người. (0,5 điểm)

+ Ngoại lực có tác động rất lớn trong quá trình làm biến đổi địa hình. (0,5 điểm)

- Giải thích: Nói nguồn năng lượng chủ yếu sinh ra ngoại lực là nguồn năng lượng của bức xạ Mặt Trời vì dưới tác dụng nhiệt của bức xạ Mặt Trời, đá trên bề mặt thạch quyển bị phá hủy và năng lượng của các tác nhân ngoại lực (nước chảy, gió, băng tuyết,...) trực tiếp hay gián tiếp đều có liên quan đến bức xạ Mặt Trời. (1 điểm)

## 7. Đề thi giữa HK1 môn Địa lí 10 – Số 7

TRƯỜNG THPT LÝ THÁI TỐ

ĐỀ THI GIỮA HỌC KÌ 1

MÔN ĐỊA LÍ 10

NĂM HỌC 2019 – 2020

Thời gian: 45 phút

**Câu 1:** Trong phép chiếu phương vị đứng mặt chiếu tiếp xúc với địa cầu ở vị trí: 0,5 điểm

A. Cực    B. Vòng cực    C. Chí tuyến    D. Xích đạo

**Câu 2:** Phương pháp thể hiện được số lượng, cấu trúc, chất lượng và động lực phát triển của đối tượng,... là phương pháp: 0,5 điểm

A. Phương pháp kí hiệu

B. Phương pháp kí hiệu đường chuyển động

C. Phương pháp chấm điểm

D. Phương pháp bản đồ - biểu đồ

**Câu 3:** Hệ Mặt Trời có các đặc điểm nào dưới đây: 0,5 điểm

- A. Mặt Trời chuyển động xung quanh các thiên thể khác trong hệ và chiếu sáng cho chúng.
- B. Trái Đất chuyển động xung quanh Mặt Trời và các thiên thể khác trong hệ.
- C. Mặt Trời ở trung tâm Trái Đất và các thiên thể khác chuyển động xung quanh.
- D. Trái Đất ở trung tâm Mặt Trời và các thiên thể khác chuyển động xung quanh.

**Câu 4:** Ở bán cầu Nam, ngày nào có sự chênh lệch thời gian ban ngày và thời gian ban đêm lớn nhất trong năm? 0,5 điểm

- A. Ngày 21 – 3.
- B. Ngày 22 – 6.
- C. Ngày 23 – 9.
- D. Ngày 22 – 12.

**Câu 5:** Trong quá trình di chuyển các mảng kiến tạo: 0,5 điểm

- A. Tách rời nhau
- B. Xô vào nhau
- C. Hút chồm lên nhau
- D. Không thể rời xa nhau

**Câu 6:** Hiện tượng mài mòn do sóng biển thường tạo nên các dạng địa hình như: 0,5 điểm

- A. Hàm ếch sóng vỗ, nền cỏ... ở bờ biển
- B. Hàm ếch sóng vỗ, nền mài mòn... ở bờ biển
- C. Các cửa sông và các đồng bằng châu thổ
- D. Vịnh biển có dạng hàm ếch

**Câu 7:** Frond nội tuyến được nằm giữa 2 khối khí: 0,5 điểm

- A. ôn đới - chí tuyến
- B. Chí tuyến - xích đạo
- C. Ôn đới - hàn đới
- D. Xích đạo – ôn đới

**Câu 8:** Bức xạ mặt trời trong quá trình tới bề mặt Trái Đất được phân chia thành nhiều bộ phận chiếm tỉ lệ lớn nhất là bộ phận: 0,5 điểm

- A. tới khí quyển số lại phản hồi và không gian.
- B. được bề mặt Trái Đất hấp thụ.
- C. được khí quyển hấp thụ
- D. tới bề mặt Trái Đất rồi lại phản hồi và không gian.

**Câu 9:** Ở vùng núi, nơi nào mưa nhiều hơn: 0,5 điểm

- A. Sườn đón gió
- B. Sườn khuất gió
- C. Chân núi
- D. Đỉnh núi

**Câu 10:** Trên các lục địa, ở vĩ tuyến 300 vĩ Bắc từ Đông sang Tây lượng mưa phân bố 0,5 điểm

A. Tăng dần B. Giảm dần C. Không giảm D. Khó xác định

**Câu 11:** Vùng có nhiệt độ thấp thường phân bố những loại thực vật: 0,5 điểm

A. Xương rồng, cây lá rộng B. Cây lá kim, đồng cỏ xanva

C. Cây bụi thấp, lá kim D. Cây lá cứng, cây lá rộng

**Câu 12:** Khí hậu cận nhiệt địa trung hải có kiểu thảm thực vật chính nào? 0,5 điểm

A. Thảo nguyên. B. Rừng và cây bụi lá cứng cận nhiệt.

C. Hoang mạc và bán hoang mạc. D. Rừng nhiệt đới ẩm.

**Câu 13:** Quy luật địa ô, đai cao là biểu hiện của quy luật nào? 0,5 điểm

A. Quy luật thống nhất và hoàn chỉnh B. Quy luật địa đới

C. Quy luật nhịp điệu D. Quy luật phi địa đới

**Câu 14:** Qui luật địa đới là: 0,5 điểm

A. Sự thay đổi của các thành phần địa lí và cảnh quan địa lí theo vĩ độ

B. Sự thay đổi có qui luật của các thành phần địa lí và các cảnh quan địa lí theo vĩ độ

C. Sự thay đổi có qui luật của các thành phần địa lí và cảnh quan địa lí theo kinh độ

D. Sự thay đổi của khí hậu, sinh vật, đất đai theo vĩ độ và theo đai cao

**Câu 15:** Chứng tộc Môngôlôit phân bố chủ yếu ở châu lục: 0,5 điểm

A. Châu Á và châu Mĩ B. Châu Mĩ và châu Đại Dương

C. Châu Á và Châu Đại Dương D. Châu Mĩ và châu Âu

**Câu 16:** Các yếu tố không có tác động đến tỉ suất sinh là: 0,5 điểm

A. Tự nhiên – sinh học

B. Phong tục tập quán, tâm lí xã hội

C. Sự phát triển kinh tế-xã hội, chính sách

D. Các thiên tai tự nhiên (động đất, núi lửa,...)

**Câu 17:** Nhóm dân số dưới tuổi lao động được xác định trong khoảng: 0,5 điểm

A. 0 – 14 tuổi B. 0 – 15 tuổi C. 0 – 16 tuổi D. 0 – 17 tuổi

**Câu 18:** Nhóm nước dân số trẻ có tỉ lệ nhóm tuổi 0 – 14 tương ứng là:0,5 điểm

- A. Trên 25%    B. Trên 35%    C. Trên 30%    D. Trên 32 %

**Câu 19:** Mặt phẳng chiều đều thường có dạng hình học là:0,5 điểm

- A. Hình nón    B. Hình trụ    C. Mặt phẳng    D. Mặt nghiêng

**Câu 20:** Cơ sở để phân chia mỗi phép chiếu thành 3 loại: đứng, ngang, nghiêng là:0,5 điểm

- A. Do vị trí tiếp xúc của mặt chiếu với địa cầu  
B. Do hình dạng mặt chiếu  
C. Do vị trí lãnh thổ cần thể hiện  
D. Do đặc điểm lưới chiếu

**Câu 21:** Phép chiếu phương vị sử dụng mặt chiếu đều là:0,5 điểm

- A. Hình nón    B. Mặt phẳng    C. Hình trụ    D. Hình lục lăng

**Câu 22:** Nếu xếp theo thứ tự khoảng cách xa dần Mặt Trời ta sẽ có:0,5 điểm

- A. Kim Tinh, Trái Đất, Thuỷ Tinh, Hoả Tinh  
B. Kim Tinh, Thuỷ Tinh, Hoả Tinh, Trái Đất  
C. Thuỷ Tinh, Kim Tinh, Trái Đất, Hoả Tinh  
D. Kim Tinh, Thuỷ Tinh, Trái Đất, Hoả Tinh

**Câu 23:** Bề mặt Trái Đất được chia ra làm: 0,5 điểm

- A. 12 múi giờ, mỗi múi giờ rộng 150 kinh tuyến.  
B. 24 múi giờ, mỗi múi giờ rộng 150 kinh tuyến.  
C. 12 múi giờ, mỗi múi giờ rộng 300 kinh tuyến.  
D. 24 múi giờ, mỗi múi giờ rộng 300 kinh tuyến.

**Câu 24:** Khí hậu nhiệt đới gió mùa có nhóm đất chính nào?: 0,5 điểm

- A. Đất nâu và xám    B. Đất đỏ vàng cận nhiệt ẩm  
C. Đất đỏ, nâu đỏ    D. Đất đỏ vàng (feralit)

**Câu 25:** Nhận định nào dưới đây là chưa chính xác:0,5 điểm

- A. Tầng badan không nằm trong giới hạn của lớp vỏ địa lý

- B. Giới hạn trên của lớp vỏ địa lí là giới hạn trên của tầng bình lưu
- C. Lớp vỏ địa lí ở lục địa không bao gồm tất cả các lớp của vỏ lục địa
- D. Trong lớp vỏ địa lí, các quyển có sự xâm nhập và tác động lẫn nhau

**Câu 26:** Giới hạn dưới của lớp vỏ địa lí ở đại dương là: 0,5 điểm

- A. Đáy thềm lục địa
- B. Độ sâu khoảng 5000m
- C. Độ sâu khoảng 8000m
- D. Vực thẳm đại dương

**Câu 27:** Động lực phát triển dân số thế giới là: 0,5 điểm

- A. Sự gia tăng tự nhiên
- B. Sự sinh đẻ và di cư
- C. Sự gia tăng cơ học
- D. Sự gia tăng dân số

**Câu 28:** Đặc điểm chung của kết cấu theo giới trên thế giới hiện nay là: 0,5 điểm

- A. Lúc mới sinh nam thường nhiều hơn nữ, ở tuổi già nữ thường nhiều hơn nam
- B. Nam nhiều hơn nữ lúc mới sinh, lúc ở tuổi bình thường và cả khi về già
- C. Lúc mới sinh nam thường nhiều hơn nữ, ở tuổi già nữ thường nhiều hơn nam
- D. Lúc mới sinh nữ thường nhiều hơn nam, ở tuổi già nam thường nhiều hơn nữ

**Câu 29:** Kiểu tháp tuổi mở rộng, biểu hiện cho một dân số: 0,5 điểm

- A. Tăng nhanh
- B. Tăng chậm
- C. Không tăng
- D. Giảm xuống

**Câu 30:** Nhân tố nào sau đây là căn cứ để phân loại nguồn lực: 0,5 điểm

- A. Vai trò
- B. Nguồn gốc và phạm vi lãnh thổ
- C. Mức độ ảnh hưởng
- D. Thời gian

**Câu 31:** Căn cứ vào nguồn gốc, nguồn lực được phân thành: 0,5 điểm

- A. Vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên
- B. Điều kiện tự nhiên, dân cư và kinh tế
- C. Vị trí địa lí, tự nhiên, kinh tế - xã hội
- D. Điều kiện tự nhiên, nhân văn, hỗn hợp

**Câu 32:** Nguồn lực tài nguyên thiên nhiên được coi là nhân tố: 0,5 điểm

- A. Cần thiết cho quá trình sản xuất
- B. Quyết định tới việc sử dụng các nguồn lực khác

C. Tạo khả năng ban đầu cho các hoạt động sản xuất

D. Ít ảnh hưởng tới quá trình sản xuất

### ĐÁP ÁN ĐỀ THI GIỮA HK1 – SỐ 7

#### Câu 1.

Trong phép chiếu phương vị đứng mặt chiếu tiếp xúc với địa cầu ở vị trí cực.

Chọn: A.

#### Câu 2.

Phương pháp thể hiện được số lượng, cấu trúc, chất lượng và động lực phát triển của đối tượng,... là phương pháp kí hiệu.

Chọn: A.

#### Câu 3.

Mặt Trời ở trung tâm Trái Đất và các thiên thể khác chuyển động xung quanh. Mặt Trời có khả năng tự phát sáng còn các thiên thể khác không thể tự phát sáng mà chỉ có thể phản chiếu ánh sáng hoặc hấp thụ ánh sáng của Mặt Trời.

Chọn: C.

#### Câu 4.

Ở bán cầu Nam, vào ngày 22/12 có sự chênh lệch thời gian ban ngày và thời gian ban đêm lớn nhất trong năm. Vào ngày 22 – 12 Mặt Trời lên thiên đỉnh ở chí tuyến Nam nên tất cả các địa điểm ở bán cầu Nam đều có ngày dài nhất trong năm.

Chọn: D.

#### Câu 5.

Trong quá trình di chuyển các mảng kiến tạo có thể tách rời nhau, xô vào nhau hoặc hút chồm lên nhau.

Chọn: D.

#### Câu 6.

Hiện tượng mài mòn do sóng biển thường tạo nên các dạng địa hình như: Hàm ếch sóng vỗ, nền mài mòn,... ở bờ biển.

Chọn: B.

**Câu 7.**

Fronđ nội tuyến được nằm giữ 2 khối khí chí tuyết và khối khí xích đạo.

Chọn: B.

**Câu 8.**

Bức xạ mặt trời trong quá trình tới bề mặt Trái Đất được phân chia thành nhiều bộ phận chiếm tỉ lệ lớn nhất là bộ phận được bề mặt Trái Đất hấp thụ.

Chọn: B.

**Câu 9.**

Ở vùng núi, sườn đón gió là nơi luôn có lượng mưa lớn nhất.

Chọn: A.

**Câu 10.**

Trên các lục địa, ở vĩ tuyến 300 vĩ Bắc từ Đông sang Tây lượng mưa phân bố giảm dần.

Chọn: B.

**Câu 11.**

Vùng có nhiệt độ thấp thường phân bố những loại thực vật cây bụi thấp và các loại cây lá kim.

Chọn: C.

**Câu 12.**

Khí hậu cận nhiệt địa trung hải có kiểu thảm thực vật chính là rừng và cây bụi lá cứng cận nhiệt.

Chọn: B.

**Câu 13.**

Quy luật địa ô, đai cao là biểu hiện của quy luật phi địa đới.

Chọn: D.

**Câu 14.**

Qui luật địa đới là sự thay đổi có qui luật của các thành phần địa lí và các cảnh quan địa lí theo vĩ độ.



Chọn: B.

**Câu 15.**

Chủng tộc Mônggôlôit phân bố chủ yếu ở châu Á và châu Mỹ.

Chọn: A.

**Câu 16.**

Các yếu tố quan trọng nhất tác động đến tỉ suất sinh là Tự nhiên – sinh học, phong tục tập quán, tâm lí xã hội và sự phát triển kinh tế-xã hội, chính sách.

Chọn: D.

**Câu 17.**

Nhóm dân số dưới tuổi lao động được xác định trong khoảng từ 0 – 14 tuổi.

Chọn: A.

**Câu 18.**

Nhóm nước dân số trẻ có tỉ lệ nhóm tuổi 0 – 14 tương ứng là trên 35% (tham khảo thêm bảng trong SGK trang 90).

Chọn: B.

**Câu 19.**

Mặt phẳng chiều đồ thường có dạng hình học là hình nón, hình trụ và mặt phẳng.

Chọn: D.

**Câu 20.**

Cơ sở để phân chia mỗi phép chiếu thành 3 loại: đứng, ngang, nghiêng là do vị trí tiếp xúc của mặt chiếu với địa cầu.

Chọn: A.

**Câu 21.**

Phép chiếu phương vị sử dụng mặt chiếu đồ là mặt phẳng.

Chọn: B.

**Câu 22.**

Nếu xếp theo thứ tự khoảng cách xa dần Mặt Trời ta sẽ có Thủy Tinh, Kim Tinh, Trái Đất, Hoả Tinh.

Chọn: C.

**Câu 23.**

Bề mặt Trái Đất được chia ra làm 24 múi giờ, mỗi múi giờ rộng 150 kinh tuyến.

Chọn: B.

**Câu 24.**

Khí hậu nhiệt đới gió mùa có nhóm đất chính là đất đỏ vàng (feralit).

Chọn: D.

**Câu 25.**

Nhận định chưa chính xác là giới hạn trên của lớp vỏ địa lí không phải là giới hạn trên của tầng bình lưu mà là giới hạn dưới của lớp ôdôn trong khí quyển.

Chọn: B.

**Câu 26.**

Giới hạn dưới của lớp vỏ địa lí ở lục địa là giới hạn dưới của lớp vỏ phong hoá còn giới hạn dưới của lớp vỏ địa lí ở đại dương là vực thẳm đại dương.

Chọn: D.

**Câu 27.**

Động lực phát triển dân số thế giới là sự gia tăng dân số tự nhiên. Gia tăng dân số tự nhiên là mức độ gia tăng dân số trong một quốc gia tự sinh ra (tỷ suất sinh thô và mất đi (tỷ suất tử thô)).

Chọn: A.

**Câu 28.**

Đặc điểm chung của kết cấu theo giới trên thế giới hiện nay là lúc mới sinh nam thường nhiều hơn nữ, ở tuổi trưởng thành nam nữ gần ngang nhau và khi ở tuổi già nữ thường nhiều hơn nam.

Chọn: A.

**Câu 29.**

Kiểu tháp tuổi mở rộng có đáy tháp rộng, đỉnh tháp nhọn, các cạnh thoải thoải thể hiện tỉ suất sinh cao, trẻ em đông, tuổi thọ trung bình thấp, dân số tăng nhanh.

Chọn: A.

**Câu 30.**

Nhân tố căn cứ để phân loại nguồn lực là nguồn gốc và phạm vi lãnh thổ.

Chọn: B.

**Câu 31.**

Căn cứ vào nguồn gốc, nguồn lực được phân thành vị trí địa lí, tự nhiên, kinh tế - xã hội.

Chọn: C.

**Câu 32.**

Nguồn lực tài nguyên thiên nhiên được coi là nhân tố cần thiết cho quá trình sản xuất.

Chọn: A.

**8. Đề thi giữa HK1 môn Địa lí 10 – Số 8**

**TRƯỜNG THPT LÊ VĂN TÁM**

**ĐỀ THI GIỮA HỌC KÌ 1**

**MÔN ĐỊA LÍ 10**

**NĂM HỌC 2019 – 2020**

**Thời gian: 45 phút**

**I- Trắc nghiệm**

**Câu 1:** Vùng ven biển gần các dòng biển lạnh sẽ chịu ảnh hưởng gây ra: 1 điểm

- A. Độ ẩm cao, mưa nhiều      B. Khô hạn, ít mưa  
C. Mưa trung bình      D. Độ ẩm thấp, mưa nhiều

**Câu 2:** Sông chảy theo hướng nam - bắc qua ba miền khí hậu khác nhau:

- A. Sông Công Gô      B. Sông Amazôn      C. Sông Nin      D. Sông Vonga

**Câu 3:** Các hồ hình thành từ các vết nứt trên vỏ Trái Đất thường có hình dạng: 1 điểm

- A. Hình tròn      B. Hình móng ngựa      C. Hình bán nguyệt      D. Kéo dài

**Câu 4:** Ở địa hình bằng phẳng các tầng đất thường: 1 điểm

- A. Dày, nhiều chất dinh dưỡng      B. Mỏng, ít chất dinh dưỡng

C. Dày, ít chất dinh dưỡng      D. Mỏng, nhiều chất dinh dưỡng

**Câu 5:** Ở vùng núi cao, nhiệt độ thấp nên: 1 điểm

- A. Quá trình phá hủy đá xảy ra chậm, làm cho quá trình hình thành đất yếu
- B. Quá trình phá hủy đá xảy ra nhanh, lớp đất phủ dày
- C. Quá trình phá hủy đá không diễn ra được, không có lớp đất phủ lên bề mặt
- D. Đá bị phá hủy rất nhanh, lớp đất phủ trên bề mặt rất dày

**Câu 6:** Sự phân bố các đới khí hậu, các nhóm đất trên Trái Đất biểu hiện của quy luật: 1 điểm

- A. Quy luật thống nhất và hoàn chỉnh      B. Quy luật phi địa đới
- C. Quy luật nhịp điệu      D. Quy luật địa đới

**Câu 7:** Lớp vỏ địa lí (lớp vỏ cảnh quan) bao gồm: 1 điểm

- A. Toàn bộ vỏ Trái Đất      B. Vỏ Trái Đất và khí quyển bên trên
- C. Toàn bộ các địa quyển      D. Các lớp vỏ bộ phận xâm nhập và tác động lẫn nhau

**Câu 8:** Những yếu tố KT - XH kìm hãm sự phát triển nông nghiệp của các nước thuộc địa trước đây: 1 điểm

- A. Quan hệ chiếm hữu ruộng đất.      B. Nguồn nhân lực thiếu kỹ thuật.
- C. Thiếu thị trường tiêu thụ.      D. Chính sách của nhà cầm quyền

**Câu 9:** Các động vật hoang dã được thuần dưỡng, chăm sóc và chọn giống được gọi là: 1 điểm

- A. Vật nuôi.      B. Động vật trong nhà.
- C. Động vật hoang dã.      D. Động vật thuần chủng.

**Câu 10:** Nguồn vốn, thị trường, khoa học và công nghệ, kinh nghiệm quản lí từ các nước khác ảnh hưởng tới sự phát triển kinh tế - xã hội của một nước, được gọi là: 1 điểm

- A. Nguồn lực tự nhiên      B. Nguồn lực tự nhiên – xã hội
- C. Nguồn lực từ bên trong      D. Nguồn lực từ bên ngoài

## II- Phần tự luận

**Câu 1:** (1 điểm).

Hãy trình bày các hệ quả chuyển động tự quay quanh trục của Trái Đất?

**Câu 2:** (1 điểm).

Nêu khái niệm về lớp vỏ địa lý (lớp vỏ cảnh quan). Phân biệt lớp vỏ Trái Đất với lớp vỏ địa lí (về chiều dày, thành phần vật chất....)?

### ĐÁP ÁN ĐỀ THI GIỮA HK1 – SỐ 8

**Câu 1:** 1 điểm

Vùng ven biển gần các dòng biển lạnh thường có thời tiết khô hạn và rất ít mưa.

Chọn: B.

**Câu 2:** 1 điểm

Sông Nin là sông dài nhất thế giới, chảy theo hướng nam - bắc qua ba miền khí hậu khác nhau.

Chọn: C.

**Câu 3:** 1 điểm

Các hồ hình thành từ các vết nứt trên vỏ Trái Đất thường có hình dạng kéo dài.

Chọn: D.

**Câu 4:** 1 điểm

Ở địa hình bằng phẳng các tầng đất thường rất dày và nhiều chất dinh dưỡng

Chọn: A.

**Câu 5:** 1 điểm

Ở vùng núi cao, nhiệt độ thấp nên quá trình phá hủy đá xảy ra chậm, làm cho quá trình hình thành đất yếu.

Chọn: A.

**Câu 6:** 1 điểm

Sự phân bố các vành đai nhiệt trên Trái Đất, các đai gió (gió Mậu dịch, gió Tây ôn đới, gió Đông cực) và các đai khí áp, các đới khí hậu trên Trái Đất, các nhóm đất và các kiểu thảm thực vật là biểu hiện của quy luật địa đới.

Chọn: D.

**Câu 7:** 1 điểm

Lớp vỏ địa lí (lớp vỏ cảnh quan) bao gồm các lớp vỏ bộ phận xâm nhập và tác động lẫn nhau.

Chọn: D.

**Câu 8: 1 điểm**

Những yếu tố KT - XH kìm hãm sự phát triển nông nghiệp của các nước thuộc địa trước đây là quan hệ chiếm hữu ruộng đất.

Chọn: A.

**Câu 9: 1 điểm**

Các động vật hoang dã được thuần dưỡng, chăm sóc và chọn giống được gọi là vật nuôi.

Chọn: A.

**Câu 10: 1 điểm**

Nguồn vốn, thị trường, khoa học và công nghệ, kinh nghiệm quản lí từ các nước khác ảnh hưởng tới sự phát triển kinh tế - xã hội của một nước, được gọi là nguồn lực từ bên trong.

Chọn: C.

## II- Phần tự luận

**Câu 1 (1 điểm).**

- Sự luân phiên ngày, đêm: Vì Trái Đất hình khối cầu và Trái Đất tự quay quanh trục nên tất cả mọi nơi trên Trái Đất đều lần lượt luân phiên ngày đêm. (0,25 điểm)

- Giờ trên Trái Đất và đường chuyển ngày quốc tế: (0,5 điểm)

+ Trái Đất hình cầu và tự quay từ tây sang đông nên mỗi nơi sẽ nhìn thấy Mặt Trời ở các độ cao khác nhau, mỗi địa điểm sẽ có giờ khác nha

+ Người ta chia bề mặt Trái Đất thành 24 múi giờ, mỗi múi rộng 15 kinh tuyến, giờ múi số 0 được lấy làm giờ quốc tế (GMT), Việt Nam thuộc múi giờ số 7.

+ Người ta quy định lấy kinh tuyến 1800 qua giữa múi giờ số 12 làm đường chuyển ngày quốc tế, đi từ phía tây sang phía đông qua kinh tuyến 1800 thì lùi lại một ngày lịch.

- Sự lệch hướng chuyển động của các vật thể: khi Trái Đất quay quanh trục thì mọi vật di chuyển trên bề mặt có sự lệch hướng so với hướng chuyển động ban đầu. Ở bán cầu Bắc vật chuyển động bị lệch về bên phải, ở bán cầu Nam vật chuyển động bị lệch về bên trái. (0,25 điểm)

**Câu 2 (1 điểm).**

- Lớp vỏ địa lý là lớp vỏ Trái Đất, ở đó các lớp vỏ bộ phận (khí quyển, thạch quyển, thủy quyển, thổ nhưỡng quyển và sinh quyển) xâm nhập và tác động lẫn nhau. (0,5 điểm)

- Phân biệt:

+ Lớp vỏ Trái Đất: là lớp vỏ cứng, mỏng, có chiều dày từ 5km (ở đại dương) đến 70km (ở lục địa), được cấu tạo bởi các tầng đá khác nhau (trầm tích badan, granit). (0,25 điểm)

+ Lớp vỏ địa lý có chiều dày từ 30 đến 35km tính từ giới hạn dưới của lớp ô dôn đến đáy vực thẳm đại dương, ở lục địa xuống hết lớp vỏ phong hóa. Thành phần của lớp vỏ địa lý gồm khí quyển, thạch quyển, thủy quyển, thổ nhưỡng quyển và sinh quyển, chúng xâm nhập và tác động lẫn nhau. (0,25 điểm)

## 9. Đề thi giữa HK1 môn Địa lí 10 – Số 9

TRƯỜNG THPT PHAN ĐÌNH GIÓT

ĐỀ THI GIỮA HỌC KÌ 1

MÔN ĐỊA LÍ 10

NĂM HỌC 2019 – 2020

Thời gian: 45 phút

### I. Trắc nghiệm (2,0 điểm)

**Câu 1.** Để biểu hiện sự phân bố khoáng sản trên bản đồ người ta sử dụng kí hiệu

- A. chấm điểm.                      B. đường.  
C. biểu đồ.                          D. chữ và hình học.

**Câu 2.** Để trình bày và giải thích chế độ nước của một con sông chủ yếu sử dụng những bản đồ

- A. hành chính, kinh tế.  
B. động vật, thực vật.  
C. thổ nhưỡng, địa hình.  
D. khí hậu, địa hình.

**Câu 3.** Khoảng không gian vô tận chứa các thiên hà là

- A. hành tinh.                          B. Vũ Trụ.  
C. hệ Mặt Trời.                      D. thiên thể.

**Câu 4.** Mặt Trời lên thiên đỉnh ở chí tuyến bắc ( $23^{\circ}27'N$ ) vào ngày

- A. ngày 21/3.                          B. ngày 22/6.  
C. ngày 23/9.                          D. ngày 22/12.

**Câu 5.** Ở nước ta, sông ngòi miền Trung thường có lũ lên rất nhanh vì

A. sông dài, nhiều nước.

B. sông ngắn, ít nước.

C. sông ngắn, độ dốc lớn.

D. sông dài, độ dốc nhỏ.

**Câu 6.** Dao động thủy triều lớn nhất khi

A. Mặt Trăng, Mặt Trời và Trái Đất ở vị trí thẳng hàng.

B. Trái Đất ở vị trí vuông góc với Mặt Trăng và Mặt Trời.

C. Mặt Trăng nằm chệch với Trái Đất một góc  $45^{\circ}$ .

D. Trái Đất nằm ở vị trí chệch với Mặt Trăng một góc  $45^{\circ}$ .

**Câu 7.** Đặc trưng cơ bản của thổ nhưỡng (đất) là có

A. độ ẩm.

B. độ dày.

C. độ phì.

D. độ rắn.

**Câu 8.** Nhân tố quyết định sự phát triển và phân bố của động vật là

A. thức ăn.

B. khí hậu.

C. nước.

D. con người.

## II. Tự luận (8,0 điểm)

### Câu 1. (2,0 điểm)

Thế nào là sinh quyển? Phân tích nhân tố khí hậu ảnh hưởng tới sự phát triển và phân bố của sinh vật.

### Câu 2. (2,0 điểm)

Trình bày khái niệm, nguyên nhân và biểu hiện của quy luật địa ô.

### Câu 3. (4,0 điểm)

Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH, DÂN SỐ CÁC CHÂU LỤC, NĂM 2005

Châu lục	Chỉ số	Diện tích (triệu $km^2$ )	Dân số (triệu người)
Châu Phi		30,3	906
Châu Mỹ		42,0	888
Châu Á (trừ Liên bang Nga)		31,8	3920



Châu Âu (kể cả Liên bang Nga)	23,0	730
Châu đại dương	8,5	33

a) Vẽ biểu đồ cột ghép 2 nhóm cột so sánh diện tích, dân số giữa các châu lục.

b) Qua biểu đồ rút ra nhận xét.

### ĐÁP ÁN ĐỀ THI GIỮA HK1 – SỐ 9

#### I. TRẮC NGHIỆM

1	2	3	4
D	D	B	B
5	6	7	8
C	A	C	A

#### II. TỰ LUẬN

##### Câu 1.

**Khái niệm sinh quyển:** là một quyển của trái đất, trong đó có toàn bộ sinh vật sinh sống.

**Nhân tố khí hậu ảnh hưởng tới sự phát triển và phân bố của sinh vật.**

- Khí hậu: ảnh hưởng trực tiếp đến sự phát triển và phân bố của sinh vật.

+ Nhiệt độ: mỗi loài sinh vật thích nghi với một giới hạn nhiệt nhất định. Nhiệt độ thích hợp, sinh vật phát triển nhanh, thuận lợi.

+ Nước và độ ẩm không khí: nhiệt, ẩm, nước thuận lợi sinh vật phát triển mạnh và ngược lại

+ Ánh sáng: quyết định quá trình quang hợp. Cây ưa sáng phát triển tốt ở nơi có đầy đủ ánh sáng. Cây chịu bóng thường sống dưới bóng râm, dưới tán lá của cây khác

##### Câu 2.

Trình bày khái niệm, nguyên nhân và biểu hiện của quy luật địa ô

**Khái niệm:** quy luật địa ô là sự thay đổi có qui luật của các thành phần tự nhiên và cảnh quan theo kinh độ.

- Nguyên nhân:

+ Do sự phân bố đất liền và biển, đại dương làm cho khí hậu ở lục địa bị phân hóa từ đông sang tây, càng vào trung tâm lục địa tính chất lục địa càng tăng.

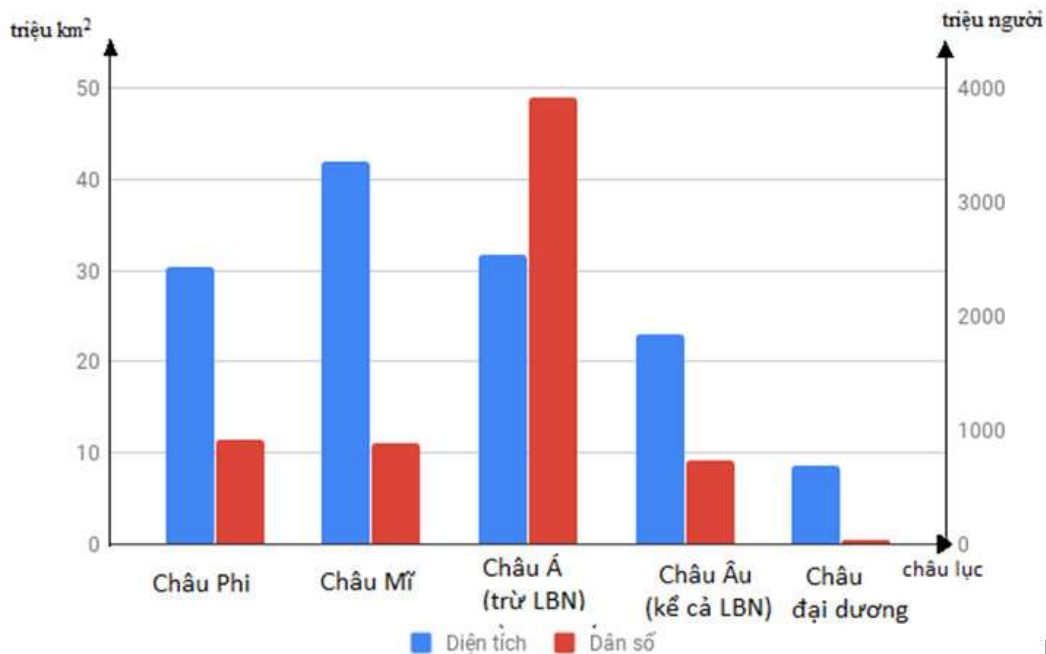
+ Ngoài ra còn ảnh hưởng của các dãy núi chạy theo hướng kinh tuyến.

- Biểu hiện rõ rệt của quy luật địa ô là sự thay đổi các kiểu thảm vật theo kinh độ. Ví dụ: ở vĩ tuyến 40°B, từ ven biển Thái Bình Dương vào sâu trong lục địa Âu Á lần lượt xuất hiện các

kiểu thảm thực vật: rừng là rộng và rừng hỗn hợp ôn đới → thái nguyên, cây bụi chịu hạn → hoang mạc và bán hoang mạc...

### Câu 3.

a) Vẽ biểu đồ cột ghép 2 nhóm cột so sánh diện tích, dân số giữa các châu lục.



Biểu đồ diện tích, dân số giữa các châu lục năm 2005

Chú ý: biểu đồ cần có 2 trục tung thể hiện 2 đơn vị khác nhau là dân số (triệu người) và diện tích (triệu km<sup>2</sup>); biểu đồ có chú giải, tên biểu đồ đầy đủ

b) Nhận xét:

- Diện tích giữa các châu lục có sự chênh lệch:

+ Châu Mỹ có diện tích lớn nhất 42,0 triệu km<sup>2</sup> lớn hơn cả diện tích châu Á (khi không tính diện tích Liên Bang Nga); gấp 4,9 lần châu Đại dương

+ Châu Đại dương có diện tích nhỏ nhất chỉ 8,5 triệu km<sup>2</sup>

- Dân số giữa các châu lục có sự chênh lệch

+ Châu Á có số dân đông nhất với 3920 triệu người, gấp 118,8 lần châu Đại dương

+ Châu Đại dương có số dân ít nhất với 33 triệu người

⇒ Châu Á (trừ Liên Bang Nga) tuy không có diện tích lớn nhất nhưng số dân lại đông nhất ⇒ mật độ dân số cao

- Châu Đại dương vừa có diện tích nhỏ nhất lại vừa có số dân ít nhất

## 10. Đề thi giữa HK1 môn Địa lí 10 – Số 10

TRƯỜNG THPT NGUYỄN HIỀN

ĐỀ THI GIỮA HỌC KÌ 1

**MÔN ĐỊA LÍ 10**  
**NĂM HỌC 2019 – 2020**  
**Thời gian: 45 phút**

**I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN: (6,0 điểm)**

**Câu 1:** Ở vùng núi cao quá trình hình thành đất yếu, chủ yếu là do

- A. trên núi cao áp suất không khí nhỏ.
- B. nhiệt độ thấp nên quá trình phong hoá chậm.
- C. lượng mùn ít.
- D. độ ẩm quá cao.

**Câu 2:** Thảm thực vật và nhóm đất chính phát triển trên kiểu khí hậu nhiệt đới gió mùa là

- A. rừng nhiệt đới ẩm - đất đỏ vàng.
- B. rừng lá rộng - đất đỏ nâu.
- C. xavan - đất đỏ vàng.
- D. rừng nhiệt đới ẩm - đất nâu.

**Câu 3:** Muốn đưa bất kì lãnh thổ nào vào mục đích kinh tế, cần phải

- A. nghiên cứu kĩ toàn diện tất cả các yếu tố.
- B. nghiên cứu kĩ khí hậu, đất đai.
- C. nghiên cứu kĩ địa chất, địa hình.
- D. nghiên cứu kĩ khí hậu, đất đai, sinh vật.

**Câu 4:** Số lượng các vòng đai nhiệt từ Bắc cực đến Nam cực là

- A. năm vòng đai.
- B. sáu vòng đai.
- C. bảy vòng đai.
- D. bốn vòng đai.

**Câu 5:** Tác động nào sau đây của con người không làm đe dọa và tiêu diệt các loài sinh vật

- A. phá rừng, làm thu hẹp diện tích rừng.
- B. áp dụng rộng rãi các giống cây trồng mới trong nông nghiệp.
- C. đưa cây trồng vật nuôi, vật nuôi từ châu lục này sang châu lục khác.
- D. lai tạo các giống mới.

**Câu 6:** Thảm thực vật và nhóm đất chính phát triển trên kiểu khí hậu ôn đới lục địa lạnh là

- A. rừng lá kim - đất nâu.
- B. rừng lá kim - đất pôtdôn.
- C. rừng lá rộng - đất đen.
- D. rừng lá kim - đất xám.

**Câu 7:** Giới hạn dưới của lớp vỏ địa lí ở lục địa là

- A. giới hạn dưới của lớp vỏ Trái Đất.
- B. giới hạn dưới của lớp vỏ phong hoá.
- C. giới hạn dưới của tầng trầm tích.
- D. giới hạn dưới của tầng badan.

**Câu 8:** Đặc điểm nào sau đây không phải là đặc điểm của lớp vỏ Địa lí

- A. các thành phần tự nhiên được thể hiện rõ nhất ở bề mặt đất.
- B. được cấu tạo bởi đá trầm tích, granit, đá bazan.
- C. nơi có sự xâm nhập tác động lẫn nhau của các lớp vỏ bộ phận.
- D. chiều dày không lớn, tối đa 30 – 35km.

**Câu 9:** Tỉ suất tử vong trên toàn thế giới hiện nay có xu hướng giảm đi rõ rệt so với thời gian trước đây. Điều đó không phụ thuộc vào

- A. tiến bộ của y tế và khoa học – kĩ thuật.
- B. sự cải thiện về thu nhập và điều kiện sống.
- C. sự suy giảm các thiên tai.
- D. nhận thức về y tế cộng đồng của người dân.

**Câu 10:** Thảm thực vật và nhóm đất chính phát triển trên kiểu khí hậu cận nhiệt Địa Trung Hải là

- A. rừng lá rộng - đất đỏ nâu.
- B. rừng - cây bụi lá cứng cận nhiệt - đất đỏ nâu.
- C. rừng - cây bụi nhiệt đới - đất đỏ nâu.
- D. rừng - cây bụi lá cứng cận nhiệt - đất đỏ vàng.

**Câu 11:** Nhận định nào dưới đây chưa chính xác

- A. tất cả các thành phần của lớp vỏ Địa lí đều đồng thời chịu tác động trực tiếp hoặc gián tiếp của ngoại lực và nội lực.

B. trong tự nhiên, bất cứ lãnh thổ nào cũng gồm nhiều thành phần của lớp vỏ Địa lí ảnh hưởng qua lại phụ thuộc nhau.

C. lớp vỏ địa lí chỉ thay đổi khi tất cả các thành phần của nó có sự biến đổi.

D. một thành phần của lớp vỏ Địa lí biến đổi sẽ kéo theo sự biến đổi của tất cả các thành phần khác.

**Câu 12:** Nguyên nhân hình thành qui luật địa đới trên Trái Đất là

A. sự thay đổi mùa trong năm.

B. sự thay đổi lượng bức xạ Mặt Trời trong năm.

C. sự thay đổi bức xạ Mặt Trời theo vĩ độ.

D. sự chênh lệch thời gian chiếu sáng trong năm theo vĩ độ.

**Câu 13:** Nhận định nào sau đây chưa chính xác về tỉ suất sinh thô của thế giới thời kì 1950 - 2005

A. tỉ suất sinh thô không đều giữa các nhóm nước phát triển và đang phát triển.

B. tỉ suất sinh thô giữa các nhóm nước có xu hướng giảm dần.

C. tỉ suất sinh thô của các nước đang phát triển tăng nhanh.

D. tỉ suất sinh thô của các nước đang phát triển cao hơn các nước phát triển.

**Câu 14:** Sinh quyển là

A. là quyển của Trái Đất, trong đó thực vật và động vật sinh sống.

B. nơi sinh sống của toàn bộ sinh vật.

C. nơi sinh sống của thực vật và động vật.

D. là một quyển của Trái Đất, trong đó có toàn bộ sinh vật sinh sống.

**Câu 15:** Nhận định nào dưới đây là chưa chính xác

A. tầng badan không nằm trong giới hạn của lớp vỏ địa lí.

B. giới hạn trên của lớp vỏ địa lí là giới hạn trên của tầng bình lưu.

C. lớp vỏ địa lí ở lục địa không bao gồm tất cả các lớp của vỏ lục địa.

D. trong lớp vỏ địa lí, các quyển có sự xâm nhập và tác động lẫn nhau.

**Câu 16:** Những ví dụ nào dưới đây không biểu hiện quy luật thống nhất và hoàn chỉnh của lớp vỏ Địa lí

A. thực vật rừng bị phá hủy, đất sẽ bị xói mòn, khí hậu bị biến đổi.

B. lượng mưa tăng lên làm tăng lưu lượng nước sông.

- C. càng về vĩ độ thấp, thời gian chiếu sáng càng ngắn, nhiệt độ càng thấp.  
D. khí hậu biến đổi từ khô hạn sang ẩm ướt làm thay đổi chế độ dòng chảy.

**Câu 17:** Tỷ suất gia tăng dân số tự nhiên được xác định bằng hiệu số giữa

- A. tỷ suất sinh thô và tỷ suất tử vong ở trẻ em.  
B. tỷ suất sinh thô và tỷ suất tử thô.  
C. tỷ suất tử thô và gia tăng cơ học.  
D. tỷ suất tử thô và gia tăng sinh học.

**Câu 18:** Nhân tố đá mẹ có vai trò quyết định đến

- A. thành phần khoáng vật trong đất và thành phần cơ giới của đất.  
B. thành phần khoáng vật và thành phần hữu cơ của đất.  
C. thành phần vô cơ và thành phần hữu cơ của đất.  
D. thành phần cơ giới và thành phần hữu cơ của đất.

## II. TỰ LUẬN: (4,0 điểm)

**Câu 1: (1,5 điểm)**

Hãy trình bày ảnh hưởng của đô thị hóa đến phát triển kinh tế - xã hội và môi trường?

**Câu 2: (2,5 điểm)** Cho bảng số liệu sau: Diện tích, dân số thế giới và các châu lục, năm 2005

Châu lục	Diện tích (triệu km <sup>2</sup> )	Dân số (triệu người)
Châu Phi	30,3	906
Châu Mỹ	42,0	888
Châu Á	31,8	3920
Châu Âu	23,0	730
Châu Đại Dương	8,5	33
Toàn thế giới	135,6	6477

- a. Tính mật độ dân số thế giới và các châu lục.  
b. Vẽ biểu đồ hình cột thể hiện mật độ dân số thế giới và các châu lục.

## ĐÁP ÁN ĐỀ THI GIỮA HK1 – SỐ 10

### I- TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN

1	2	3	4	5	6
<b>B</b>	<b>A</b>	<b>A</b>	<b>C</b>	<b>C</b>	<b>B</b>
7	8	9	10	11	12
<b>B</b>	<b>B</b>	<b>C</b>	<b>B</b>	<b>C</b>	<b>C</b>
13	14	15	16	17	18
<b>C</b>	<b>D</b>	<b>B</b>	<b>C</b>	<b>B</b>	<b>A</b>

## II. Tự luận

### Câu 1. Ảnh hưởng của đô thị hoá đến sự phát triển kinh tế-xã hội và môi trường bao gồm:

- Tích cực: Thúc đẩy tốc độ phát triển kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động và thay đổi sự phân bố dân cư, thay đổi các quá trình sinh, tử và hôn nhân ở các đô thị...
- Tiêu cực: Nếu không xuất phát từ công nghiệp hóa (tự phát)
- + Nông thôn: Thiếu lao động (đất không có ai sản xuất)...
- + Thành thị: Thất nghiệp, thiếu việc làm, ô nhiễm môi trường dẫn đến nhiều tiêu cực khác...

### Câu 2:

a. Tính mật độ dân số thế giới và các châu lục.

Áp dụng công thức tính mật độ dân số = Số dân / diện tích

Ta có bảng mật độ dân số thế giới và các châu lục, năm 2005

Châu Lục	Mật độ dân số (người/km <sup>2</sup> )
Châu Phi	30
Châu Mỹ	21
Châu Á	123
Châu Âu	32
Châu Đại Dương	4

Toàn thế giới	48
---------------	----

b. Vẽ biểu đồ hình cột thể hiện mật độ dân số thế giới và các châu lục.

